

Bản án số: 28/2018/DS-ST

Ngày: 10 - 5 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Kim Mỹ

2. Bà Nguyễn Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2017/DSST ngày 14 tháng 9 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 53/2018/QĐXXST-DS ngày 29/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2018/QĐST-DS ngày 20/4/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A.

Địa chỉ trụ sở: Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Đường M, Phường N, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị H – Là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 23/3/2018) (Có mặt).

Bị đơn: Nguyễn Phi P, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Số 28A, Đường 60, phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP A có bà Lê Thị H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn cứ Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi là Ngân hàng A), Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày

21/6/2012 của ông Nguyễn Phi P, các văn bản của ông Nguyễn Phi P ký với ACB về việc sử dụng thẻ tín dụng. Ngày 21/6/2012, Ngân hàng A đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Phi P, chi tiết như sau: Số thẻ: 4791 3925 7014 2964; Hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng; Hiệu lực thẻ: 3 năm (kể từ ngày 21/6/2012); Lãi suất thẻ được quy định như sau: Lãi suất trong hạn, lãi quá hạn theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A.

Theo đó trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Nguyễn Phi P đã không thanh toán đầy đủ cho ACB theo thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 10/5/2013, ACB đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Ngân hàng A yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Phi P phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ bao gồm vốn gốc, lãi trong hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là: 300.543.309 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Phi P vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên Tòa án nhân dân Quận 2 không thu thập được lời khai của ông P về nội dung vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A có bà Lê Thị H là đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định số tiền buộc ông Nguyễn Phi P phải thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/5/2018), cụ thể: Vốn gốc: 99.918.694 đồng; Lãi quá hạn: 200.624.615 đồng. Tổng cộng: 300.543.309 đồng.

Ông P còn phải tiếp tục trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 21/6/2012 đã ký kết giữa Ngân hàng A với ông Nguyễn Phi P và Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Á Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Tuy nhiên, cần rút kinh nghiệm về thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A đối với bị đơn ông Nguyễn Phi P, tranh chấp được xác định là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Phi P có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ: Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Trong đơn khởi kiện, người khởi kiện Ngân hàng A đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn ông Nguyễn Phi P theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng bằng văn bản giữa ông P và Ngân hàng A tại địa chỉ: Số 28A, Đường 60, phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, Ngân hàng A đã tiến hành thủ tục yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Nguyễn Phi P và được giải quyết bằng Quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2015/QĐDS-ST ngày 30/01/2015 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, vẫn không xác định được địa chỉ cư trú của ông P. Do đó, Tòa án căn cứ hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Cụ thể Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông P tại địa chỉ nêu trên như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 20/4/2018 và ngày 10/5/2018 nhưng ông P vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông P.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Ngân hàng A yêu cầu ông Nguyễn Phi P thanh toán bộ số tiền nợ là: 300.543.309 đồng gồm vốn gốc và lãi quá hạn theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 21/6/2012 giữa Ngân hàng A và ông Nguyễn Phi P. Yêu cầu trả làm một lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ông Nguyễn Phi P, ngày 27/6/2012 Ngân hàng A đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông P: Số thẻ: 4791 3925 7014 2964; Loại thẻ Visa vàng; Hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng; Hiệu lực thẻ: 3 năm (kể từ ngày 21/6/2012); Lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn được thực hiện theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A. Các thỏa thuận này là phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà

nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận nên là căn cứ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông P không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng A theo thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 10/5/2013 Ngân hàng A đã ra thông báo chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu của ông Nguyễn Phi P là 104.918.694 đồng sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn là 38,7%/năm (từ ngày 10/5/2013 đến ngày 01/7/2013) thành tiền là: 5.864.955 đồng. Từ ngày 01/7/2013 đến ngày 12/6/2017 thì dư nợ gốc là 99.918.694 với lãi suất quá hạn là 38,7%/năm thành tiền là 154.888.964 đồng. Từ ngày 12/6/2017 đến ngày 01/01/2018 thì dư nợ gốc là 99.918.694 đồng với lãi suất quá hạn là 43,5%/năm thành tiền là 24.509.223 đồng. Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 10/5/2018 dư nợ gốc là 99.918.694 đồng với lãi suất quá hạn là 43,5%/năm (365 ngày/năm) thành tiền là: 15.316.473 đồng. Tổng cộng tiền lãi phát sinh từ ngày 10/5/2013 đến ngày 10/5/2018 là 200.624.615 đồng.

Trong quá trình Toà án tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ và tại phiên toà hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Phi P vắng mặt không có lý do mặc dù Toà án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó, ông P đã tự từ bỏ quyền tranh tụng tại toà để bảo vệ quyền lợi cho mình

Việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của ông P theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng A. Do đó, Ngân hàng A yêu cầu ông P thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh làm một lần là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A buộc ông Nguyễn Phi P phải thanh toán toàn bộ số tiền tổng cộng: 300.543.309 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 99.918.694 đồng; Lãi: 200.624.615 đồng. Thanh toán làm một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng A được chấp nhận nên ông Nguyễn Phi P phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho Ngân hàng A. Hoàn lại cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Luật Thi hành án dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A:

Ông Nguyễn Phi P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP A toàn bộ số tiền nợ phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 21/6/2012 giữa Ngân hàng A và ông Nguyễn Phi P, bao gồm: Nợ gốc là 99.918.694 đồng và tiền lãi là 200.624.615 đồng. Tổng cộng là 300.543.309 (ba trăm triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm lẻ chín) đồng, trả làm một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP A có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Phi P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng ông P còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 21/6/2012 được ký kết giữa ông P với Ngân hàng A và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng A.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Phi P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.027.165 (mười lăm triệu không trăm hai mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi lăm) đồng. Ông P chưa nộp án phí.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.453.436 (sáu triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm ba mươi sáu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AE/2014/0008373 ngày 14/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP A có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Phi P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Anh Ngọc